

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26-4-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Luyện

2. Ông Ngô Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị KN; địa chỉ: Thôn 11, xã NL, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn Q; địa chỉ: Thôn 11, xã NL, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Đinh Thị KN và anh Vũ Văn Q xây dựng hạnh phúc với nhau vào năm 1995, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ hỏi cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại thôn 11, MS, xã NL, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2011 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con và cư xử đối với gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng và vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2012 đến nay. Chị Đinh Thị KN nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn anh Vũ Văn Q. Vợ chồng có hai con chung Vũ Tùng L sinh ngày 10 tháng 4 năm 1996 và Vũ Thị TL sinh ngày 26 tháng 6 năm 2005. Con Vũ Tùng L đã thành niên và có khả năng lao động. Khi ly hôn chị Đinh Thị KN chấp nhận để anh Vũ Văn Q nuôi con tên Vũ Thị TL. Việc cấp dưỡng nuôi con để vợ chồng tự thỏa thuận giao nhận cho nhau. Vợ chồng không có tài sản chung nên không nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến và đề nghị của bị đơn: Thừa nhận điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Đinh Thị KN trình bày là đúng và vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2012 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Đinh Thị KN xin ly hôn anh đồng ý ly hôn. Anh Vũ Văn Q đồng ý với trình bày của chị Đinh Thị KN về con chung và tài sản chung.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tổ tụng Dân sự; các Điều 9, 14, 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữ chị Đinh Thị KN và anh Vũ Văn Q. Về con chung, vợ chồng có hai con chung, con tên Vũ Tùng L đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra vấn đề nuôi con, giao con tên Vũ Thị TL cho anh Vũ Văn Q nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung không xem xét giải quyết vì không có yêu cầu giải quyết. Chị Đinh Thị KN phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án: Bản tự khai của các đương sự; bản sao sổ hộ khẩu; bản sao giấy khai sinh của con; tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương xác định chị Đinh Thị KN và anh Vũ Văn Q không có đăng ký kết hôn và chị Đinh Thị KN và anh Vũ Văn Q có hai con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét việc chung sống giữa chị Đinh Thị KN và anh Vũ Văn Q từ năm 1995 mặc dù có tổ chức cưới và đến nay đã có hai con chung nhưng không có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Nay chị Đinh Thị KN có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân.

[3] Về con chung: Chị Đinh Thị KN và anh Vũ Văn Q có hai con chung Vũ Tùng L sinh ngày 10 tháng 4 năm 1996 và Vũ Thị TL sinh ngày 26 tháng 6 năm 2005. Con tên Vũ Tùng L đã thành niên và có khả năng lao động. Khi ly hôn anh Vũ Văn Q xin nuôi con tên Vũ Thị TL, cháu Vũ Thị TL xin được ở với cha. Do vậy giao cho anh Vũ Văn Q trực tiếp nuôi con Vũ Thị TL là phù hợp với các điều 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Đinh Thị KN và anh Vũ Văn Q tự thỏa thuận giao nhận cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chị Đinh Thị KN phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thị KN và anh Vũ Văn Q.

2. Về con chung: Xác định chị Đinh Thị KN và anh Vũ Văn Q có hai con chung là Vũ Tùng L sinh ngày 10 tháng 4 năm 1996 và Vũ Thị TL sinh ngày 26 tháng 6 năm 2005. Giao cho anh Vũ Văn Q trực tiếp nuôi con chung tên Vũ Thị TL. Việc nuôi con được thực hiện đến khi con đủ 18 hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị KN phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008799 ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; chị Đinh Thị KN đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã NL;
- Đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Sơn